

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí và bà Phạm Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025, về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/1984, số căn cước công dân 089184022841; địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị Thùy D: Ông Bùi Linh T, sinh ngày 01/12/1998 số căn cước công dân 087098015405; địa chỉ: ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/10/2025); có mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 10/02/1995, số căn cước công dân 089195009097; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Lê Văn C, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt;

2) Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Thùy D trình bày như sau: Bà Trương Thị Thùy D và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có mối quan hệ bạn bè với nhau. Ngày 16/02/2025, bà D cho bà T1 vay 100.000.000 đồng, mục đích vay để cất nhà ở, bà D đưa bà T1 số tiền này tại nhà bà T1, khi đưa tiền thì chồng bà T1 là ông Lê Văn C và mẹ bà T1 là bà Nguyễn Thị Thúy L đều biết. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn cho vay là 12 tháng, mỗi tuần bà T1 phải trả cho bà D số tiền là 2.833.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) đến khi cho hết nợ gốc. Ngày 23/02/2025 đến ngày 10/8/2025, bà T1 trả cho bà D được tổng số tiền gốc và lãi là 70.825.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 65.159.000 đồng. Ngày 02/4/2025, bà T1 vay thêm 40.000.000 đồng, mục đích để cất thêm nhà sau, mức lãi suất là 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng (không bao gồm tiền gốc), bà T1 đã trả tiền gốc cho bà D được số tiền là 16.300.000 đồng. Còn nợ lại là 23.700.000 đồng. Ngày 27/5/2025, bà T1 vay thêm 100.000.000 đồng, mức lãi suất là 3%/tháng, trả góp theo tuần (gồm tiền gốc và lãi), thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay này, bà T1 đã trả cho bà D được số tiền là 54.076.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 63.908.000 đồng. Ngày 18/8/2025, bà D và bà T1 tổng hợp các khoản tiền vay lại, tổng số tiền mà bà T1 vay của bà D là 144.700.000 đồng, trong đó:

- Số tiền 129.000.000 đồng là tổng hợp từ khoản vay ngày 16/02/2025 và ngày 27/5/2025, (theo Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 18/8/2025, giấy vay tiền này do chồng bà D Trần Minh Q, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang viết tại nhà của bà T2, khi viết thì có ông C và bà L đều biết và nói với bà D là yên tâm đi, T1 nó vay tiền để cất nhà ở chung. Bà L và ông C nói sẽ cùng với T2 trả cho bà D số tiền này).

- Số tiền 23.700.000 đồng là khoản vay ngày 02/4/2025, số tiền này có xác nhận nợ từ Zalo của bà T1.

Từ khi xác nhận nợ đến nay, bà T1, ông C và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D, mặc dù bà D đã nhiều lần liên hệ nhưng bà T1, ông C và bà L vẫn cố tình tránh né không trả nợ. Do đó, nay bà D làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm liên đới cho bà D tổng số tiền là 148.783.434 đồng, trong đó: Số tiền gốc là 144.700.000 đồng; Số tiền lãi đối với nợ gốc là 144.700.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng (tính từ ngày 18/08/2025 đến ngày 12/12/2025) = $144.700.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 2,3 \text{ tháng} = 2.762.323 \text{ đồng}$. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số nợ gốc 144.700.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Bùi Linh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Thùy D trình bày bà D rút lại đối với phần yêu cầu tính lãi và phần yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L liên đới với bà Nguyễn Thị Hồng T1 trả tiền; Hiện tại, ông C cùng sống chung với bà T1 hàng ngày, việc vay tiền bà T1, ông

C đã cung cấp thông tin thẻ ngân hàng của ông C đã thể hiện việc vay tiền ông C đã biết. Bà D khởi kiện là giấy thỏa thuận vay tiền với số tiền là 129.000.000đồng, bà T1 có vay tiền của bà D nhiều lần còn nợ lại 144.700.000đồng; bà T1 thừa nhận có vay tiền qua các lần chốt nợ là 129.000.000đồng, nguyên đơn không đồng ý cho bà T1 số tiền 27.000.000đồng, vì bà D hứa cho bà T1 với điều kiện là bà T1 phải trả cho bà Duyên S nợ dứt điểm một lần nhưng bà T1 đã vi phạm là không thực hiện đúng, cộng với số nợ 23.700.000đồng, bà trình đã trả được 11.000.000đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông C liên đới với bà T1 trả cho bà Duyên số tiền còn thiếu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày: Ngày 16 tháng 02 năm 2025, bà T1 có vay của bà Trương Thị Thùy Duyên S tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 48 tuần, vay để sinh hoạt cá nhân vào việc riêng của bà T1, việc bà T1 vay chồng bà T1 và mẹ bà T1 hoàn toàn không hay biết, tổng số tiền gốc và lãi của 48 tuần là 135.984.000đồng, trả góp theo tuần mỗi tuần trả số tiền 2.833.000đồng. Bà T1 đã đóng số tiền gốc và lãi hàng tuần cho bà D được 25 tuần từ ngày 23/02/2025 đến ngày 10/08/2025 số tiền là 25 tuần x 2.833.000đồng = 70.825.000đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 135.984.000đồng - 70.825.000đồng = 65.159.000đồng.

Ngày 02/04/2025, bà T1 có vay của bà Trương Thị Thùy Duyên S tiền 40.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng (không bao gồm tiền gốc), thời hạn vay 04 tháng, vay để sinh hoạt cá nhân vào việc riêng của bà T1, việc bà T1 vay chồng bà T1 và mẹ bà T1 hoàn toàn không hay biết, bà T1 đã trả nợ gốc cho bà Duyên số tiền là 16.300.000đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 40.000.000đồng - 16.300.000đồng = 23.700.000đồng.

Ngày 27/05/2025, bà T1 có vay của bà Trương Thị Thùy Duyên S tiền 100.000.000đồng, lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay là 24 tuần, vay để sinh hoạt cá nhân vào việc riêng của bà T1, việc bà T1 vay chồng bà T1 và mẹ bà T1 hoàn toàn không hay biết, tổng số tiền gốc và lãi của 24 tuần là 117.984.000đồng, trả góp theo tuần mỗi tuần mỗi tuần trả số tiền 4.916.000đồng. Bà T1 đã đóng số tiền gốc và lãi được 11 tuần từ ngày 03/06/2025 đến ngày 05/08/2025 số tiền là 11 tuần x 4.916.000đồng = 54.076.000đồng, tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 117.984.000 đồng - 54.076.000 đồng = 63.908.000đồng.

Ngày 18/08/2025, bà T1 và bà D tổng hợp các khoản tiền vay, cụ thể như sau: Bà T1 còn nợ bà Duyên số tiền nợ gốc 23.700.000đồng của khoản vay ngày 02/04/2025. Bà T1 còn nợ bà Duyên số tiền nợ gốc và lãi 65.159.000 đồng của khoản vay ngày 16/02/2025 và số tiền 63.908.000đồng của khoản vay ngày 27/05/2025, tổng hợp 02 khoản vay bà T1 còn nợ lại bà Duyên số tiền nợ gốc và lãi là 129.000.000đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 75.000.000đồng và số tiền lãi là 54.000.000đồng. Bà D đã đồng ý cho bà T1 phân nửa số tiền lãi của 54.000.000 đồng là số tiền là 27.000.000 đồng, bà D đồng ý bằng lời nói và tin nhắn zalo nhắn vào lúc 09 giờ 56 phút ngày 25/08/2025 và vào lúc 19 giờ 37

phút ngày 26/08/2025, vì vậy bà T1 còn nợ lại bà Duyên số tiền là 102.000.000đồng.

Sau khi chốt nợ xong thì bà T1 có trả nợ cho bà D, cụ thể như sau: Ngày 25/08/2025 bà T1 có trả cho bà Duyên số tiền là 2.000.000đồng; Ngày 01/09/2025 bà T1 có trả cho bà Duyên số tiền là 2.000.000đồng; Ngày 08/09/2025 bà T1 có trả cho bà Duyên số tiền là 2.000.000đồng; Ngày 16/09/2025 bà T1 có trả cho bà Duyên số tiền là 2.000.000đồng; Ngày 01/11/2025 bà T1 có trả cho bà Duyên số tiền là 3.000.000đồng. Tổng cộng bà T1 đã trả cho bà Duyên số tiền là 11.000.000đồng. Tổng cộng số tiền bà T1 còn nợ bà D là 23.700.000đồng + 102.000.000đồng - 11.000.000đồng = 114.700.000đồng.

Hiện nay, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên bà T1 yêu cầu xin giảm dứt phần lãi suất, đối với phần nợ bà T1 còn nợ bà D là 114.700.000 đồng, bà T1 xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Lê Văn C có văn bản ý kiến thể hiện: Đối với việc vay của bà Nguyễn Thị Hồng T1 với bà Trương Thị Thùy D theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 16/02/2025, ngày 02/04/2025, ngày 27/05/2025 hoàn toàn không liên quan gì đến ông C, bà L. Do đó là nhu cầu riêng của bà T1, vay tiền sử dụng mục đích cá nhân nên ông C, bà L hoàn toàn không hay biết và không liên quan; đối với việc tham gia tố tụng đề nghị Tòa án cho được vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thùy D: buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 liên đới cùng ông Lê Văn C trả cho bà Trương Thị Thùy Duyên S tiền 141.700.000đồng; đình chỉ yêu cầu trả lãi suất từ ngày 18/8/2025 đến khi xét xử; đình chỉ yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thúy L liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng T1 trả số nợ 141.700.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Thùy D khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T1 tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bà T1 có nơi cư trú trên địa bàn xã L, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Theo đơn kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án và yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L liên đới với bà Nguyễn Thị Hồng T1 trả tiền, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi cho nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ theo quy định tại Điều 217 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Bà Trương Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1, trả cho bà Duyên số tiền vay hiện còn thiếu là gốc là 144.700.000 đồng, căn cứ khởi kiện là giấy thỏa thuận vay tiền ngày 18/08/2025 và tin nhắn Zalo; Quá trình giải quyết, bà T1 thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn số tiền nợ gốc 23.700.000 đồng của khoản vay ngày 02/04/2025; Bà T1 còn nợ bà Duyên số tiền nợ gốc và lãi 65.159.000 đồng của khoản vay ngày 16/02/2025 và số tiền 63.908.000 đồng của khoản vay ngày 27/05/2025, tổng hợp 02 khoản vay bà T1 còn nợ lại bà Duyên số tiền nợ gốc và lãi là 129.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với việc bị đơn cho rằng, nguyên đơn đồng ý cho số tiền 27.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T trình bày là bà T1 vi phạm điều kiện đã thỏa thuận. Thấy rằng, đây là sự thỏa thuận có điều kiện nhưng vì bà T1 với điều kiện cho bà D không đồng ý trừ số tiền hứa cho là có cơ sở; Đối với giấy thỏa thuận vay tiền các đương sự không giao mà là qua các lần vay tiền rồi chốt nợ là 129.000.000 đồng; số nợ 23.700.000 đồng bà T1 thừa nhận có vay và còn nợ; Đối với số tiền sau khi chốt nợ bà T1 đã trả được 11.000.000 đồng bà D đã nhận tiền. Qua đối với biên nhận mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện, lời thoại tin nhắn Zalo, lời trình bày của các đương sự, đã có cơ sở xác định bà T1 có vay và còn nợ của bà Duyên số tiền vốn là 141.700.000 đồng.

[4] Đối với việc bà D yêu cầu buộc ông C cùng liên đới trả tiền; ông C có ý kiến “Đối với việc vay của bà Nguyễn Thị Hồng T1 với bà Trương Thị Thùy D theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 16/02/2025, ngày 02/04/2025, ngày 27/05/2025 hoàn toàn không liên quan gì đến ông C, do đó là nhu cầu riêng của Nguyễn Thị Hồng T1, vay tiền sử dụng mục đích cá nhân nên ông C hoàn toàn không hay biết và không liên quan”, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông C cùng sống chung với bà T1 hàng ngày, việc vay tiền bà T1, ông C đã cung cấp thông tin thẻ ngân hàng của ông C đã thể hiện việc vay tiền ông C đã biết việc bà T1 vay tiền với bà D, nên Hội đồng xét xử cần buộc liên đới trả tiền.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân

và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thùy D và xử như sau:

1) Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Thùy Duyên S tiền vay là 141.700.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mười một triệu bảy trăm nghìn đồng);

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

3) Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thùy D đối với phần yêu cầu tính lãi.

4) Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thùy D đối với phần yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L liên đới với bà Nguyễn Thị Hồng T1 trả tiền 141.700.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mười một triệu bảy trăm nghìn đồng);

5) Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự là 7.085.000đồng (Bằng chữ: Bảy triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng); Bà Trương Thị Thùy D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.686.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0007765 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng